



## BẢN TIN THUẾ Số 2114 (Từ 02/06- 07/06/2014)

NỘI DUNG  
VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ  
VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Trang  
1  
2



### VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ

Công văn số 1818/TCT-KK Ngày 19/05/2014	Giải đáp vướng mắc về kê khai thuế GTGT.
Công văn số 1861/TCT-CS Ngày 21/05/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế GTGT.
Công văn số 1880/TCT-TNCN Ngày 22/05/2014	Hướng dẫn về hồ sơ hoàn thuế TNCN.
Công văn số 1881/TCT-CS Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế TNDN.
Công văn số 1882/TCT-CS Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế GTGT.
Công văn số 1883/TCT-CS Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn về hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất.
Công văn số 1890/TCT-VP Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn áp dụng HTQLCL theo ISO 9001:2008.
Công văn số 1892/TCT-DNL Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn xác định thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hóa xuất khẩu.
Công văn số 1905/TCT-TNCN Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế TNCN.
Công văn số 1906/TCT-TNCN Ngày 23/05/2014	Hướng dẫn về thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn.
Công văn số 1913/TCT-CS Ngày 26/05/2014	Hướng dẫn về thuế GTGT.
Công văn số 1916/TCT-CS Ngày 26/05/2014	Hướng dẫn về hóa đơn.
Công văn số 1930/TCT-TNCN Ngày 26/05/2014	Hướng dẫn về thẩm quyền xác nhận trong hồ sơ đề nghị miễn thuế các Chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA tại VN.
Công văn số 1934/TCT-CS Ngày 26/05/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 1936/TCT-CS Ngày 26/05/2014	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn số 1937/TCT-KK Ngày 26/05/2014	Hướng dẫn về hoàn thuế giá trị gia tăng.
Công văn số 1946/TCT-CS Ngày 27/05/2014	Hướng dẫn về chính sách giảm tiền thuê đất.



**Công văn số 1955/TCT-KTNB**

Ngày 27/05/2014

**Công văn số 1971/TCT-CS**

Ngày 28/05/2014

**Công văn số 1972/TCT-CS**

Ngày 28/05/2014

**Công văn số 1973/TCT-CS**

Ngày 28/05/2014

**Công văn số 1978/TCT-CS**

Ngày 28/05/2014

**Công văn số 1984/TCT-CS**

Ngày 29/05/2014

Hướng dẫn chỉ đạo Cục Thuế và CCT thực hiện sau khi có kết quả xác minh.

Hướng dẫn về chính sách thuế TNDN.

Hướng dẫn về chính sách thuế TNDN.

Hướng dẫn về chính sách thuế TNDN.

Hướng dẫn về chính sách thuế.

Hướng dẫn về sử dụng hóa đơn.

## VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

**Giải đáp vướng mắc về kê khai thuế GTGT.**

**Công văn số 1818/TCT-KK**

Ngày 19/05/2014

**Hướng dẫn về hồ sơ hoàn thuế TNCN.**

Căn cứ Điểm 8, Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó, không phân biệt xuất dùng hay còn để trong kho.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế”

Đối với các hóa đơn phát sinh kể từ 01/01/2014 thì trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện hóa đơn kê khai khấu trừ bị bỏ sót chưa kê khai thì được kê khai khấu trừ bổ sung vào kỳ kê khai gần nhất của thời điểm phát hiện sai sót, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

“Hồ sơ khai thuế toán thuế.

- Tờ khai quyết toán thuế theo mẫu số 09/KK-TNCN, phụ lục theo mẫu số 09A/PL-TNCN, phụ lục theo mẫu số 09C/PL-TNCN (nếu đã đăng ký giảm trừ gia cảnh) ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm và cá nhân ký cam kết chịu trách nhiệm vào bản chụp đó.

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh hoặc xác nhận về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài và kèm theo thư xác nhận thu nhập theo mẫu số 20/TXN-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này”.

Trường hợp trong năm 2013 có khai quyết toán thuế TNCN kèm đề nghị hoàn tại Cục Thuế, trong đó có số thuế TNCN đã được tổ chức trả thu nhập khấu trừ trong năm nhưng không cấp chứng từ khấu trừ. Đến nay, tổ chức trả thu nhập đã giải thể, thanh quyết toán chứng từ khấu trừ nên



**Công văn số 1880/TCT-TNCN**  
**Ngày 22/05/2014**

**Hướng dẫn về thẩm quyền xác nhận trong hồ sơ đề nghị miễn thuế các Chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA tại VN.**

**Công văn số 1930/TCT-TNCN**  
**Ngày 26/05/2014**

không thể cấp lại chứng từ khấu trừ cho người lao động. Người lao động không cung cấp được bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm nên không được tính số thuế đã khấu trừ khi quyết toán thuế TNCN theo quy định nêu trên.

- Tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/05/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính nêu trên hướng dẫn:

"Điều 4. Thủ tục, hồ sơ miễn thuế Thu nhập cá nhân và thời hạn giải quyết của cơ quan thuế

1. Tùy từng trường hợp Chuyên gia ký hợp đồng với Chủ dự án hay với nhà thầu (công ty) mà Chủ dự án hoặc nhà thầu (công ty) gửi hồ sơ đề nghị miễn thuế Thu nhập cá nhân cho Chuyên gia đến cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình. Hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề nghị của Chủ dự án hoặc của nhà thầu (công ty) đề nghị miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia.

- Xác nhận của Cơ quan chủ quản về việc Chuyên gia đáp ứng đủ điều kiện về ưu đãi và miễn trừ theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này.

- Các tài liệu liên quan đến thu nhập được miễn thuế của Chuyên gia (hợp đồng, chứng từ chi trả thu nhập, ...).

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm 1 nêu trên, Cơ quan thuế cấp Xác nhận miễn thuế Thu nhập cá nhân cho Chuyên gia theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này".

- Tại khoản 6 Điều 1, Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 8/2/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư quy định:

"1. Ở cơ quan tổ chức làm việc theo chế độ thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký tất cả văn bản của cơ quan, tổ chức. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể giao cho cấp phó của mình ký thay (KT.) các văn bản thuộc các lĩnh vực được phân công phụ trách và một số văn bản thuộc thẩm quyền của người đứng đầu. Cấp phó ký thay chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trước pháp luật."

"3. Ký thừa ủy quyền

Trong trường hợp đặc biệt, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho người đứng đầu một đơn vị trong cơ quan, tổ chức ký thừa ủy quyền (TUQ.) một số văn bản mà mình phải ký. Việc giao ký thừa ủy quyền phải được quy định bằng văn bản và giới hạn trong một thời gian nhất định. Người được ký thừa ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác ký. Văn bản ký thừa ủy quyền theo thể thức và đóng dấu của cơ quan, tổ chức ủy quyền".

Căn cứ vào các quy định nêu trên: hồ sơ đề nghị miễn thuế của Chuyên gia nước ngoài thực hiện dự án ODA tại Việt Nam phải được xác nhận của Cơ quan chủ quản theo đúng quy định và đúng mẫu.



## Hướng dẫn về hoàn thuế giá trị gia tăng.

Công văn số 1937/TCT-KK  
Ngày 26/05/2014

## Hướng dẫn về chính sách thuế.

Công văn số 1978/TCT-CS  
Ngày 28/05/2014

Về hợp đồng xuất khẩu, chứng từ thanh toán qua ngân hàng:

- Trường hợp cơ quan Thuế thực hiện kiểm tra sau hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu tại trụ sở người nộp thuế phát hiện các tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra (trong đó có hợp đồng mua, bán hàng hóa với nước ngoài) ghi bằng tiếng nước ngoài, không dịch sang tiếng Việt thì đoàn kiểm tra Thuế yêu cầu người nộp thuế cung cấp bản dịch các thông tin tài liệu nêu trên bằng tiếng Việt; người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra thuế; người nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Trường hợp Cục Thuế thực hiện kiểm tra sau hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu tại trụ sở người nộp thuế phát hiện hợp đồng bán hàng hóa với nước ngoài trong nội dung không ghi học, tên, chức danh người đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoặc trường hợp cùng một doanh nghiệp nhập khẩu (bên nước ngoài) có hợp đồng ghi họ, tên, chức danh người đại diện của doanh nghiệp nước ngoài nhưng những hợp đồng phát sinh sau đó trong nội dung hợp đồng lại không ghi họ, tên, chức danh người đại diện của doanh nghiệp nước ngoài thì đề nghị Cục Thuế căn cứ các quy định hiện hành thực hiện kiểm tra đồng bộ từng hợp đồng bán hàng hóa xuất khẩu tương ứng với Tờ khai hải quan đối với hàng hóa đã làm xong thủ tục hải quan và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hợp đồng xuất khẩu đó, đảm bảo phù hợp giữa tên doanh nghiệp nhập khẩu trên hợp đồng bán hàng hóa xuất khẩu với tên đơn vị nhập khẩu trên tờ khai hải quan, số tiền thanh toán hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng phải thể hiện tài khoản của doanh nghiệp nhập khẩu và phải chứng minh được nguồn gốc số tiền thanh toán nêu trên là từ doanh nghiệp nhập khẩu theo hướng dẫn tại điểm 3 công văn số 16249/BTC-PC ngày 25/11/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Chi nhánh Công ty đã xuất 82 số hóa đơn sử dụng dấu phân cách số tự nhiên là dấu phẩy (.) sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ, nghìn tỷ, triệu tỷ, tỷ tỷ trên hóa đơn mà chưa thực hiện đăng ký với cơ quan thuế thì đề nghị Cục Thuế kiểm tra về số tiền bằng chữ ghi trên từng hóa đơn và số tiền hạch toán trên sổ kế toán nếu khớp đúng với số tiền ghi bằng số ghi trên hóa đơn; người bán, người mua đã kê khai, khấu trừ, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật thì chấp nhận 82 số hóa đơn đã lập trên là hóa đơn hợp pháp. Chi nhánh Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc xuất số hóa đơn trên.

Đối với hành vi sử dụng dấu phân cách số tự nhiên chưa thực hiện đăng ký với cơ quan thuế thì người bán bị xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính và phải có văn bản đăng ký với cơ quan thuế.